

**TẬP ĐỌC**  
**NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức**

- Hiểu được nghĩa một số từ ngữ khó trong bài: bệ hạ, sững sờ, đồng dạng, hiền minh,...
- Hiểu ND bài: Ca ngợi chú bé Chôm trung thực, dũng cảm, dám nói lên sự thật (trả lời được các câu hỏi 1,2, 3)
- \* HS năng khiếu trả lời được CH4 (SGK) .

**2. Kỹ năng**

- Đọc rành mạch, trôi chảy biết đọc phân biệt lời các nhân vật, bước đầu đọc diễn cảm được một đoạn trong bài.

**3. Thái độ**

- Giáo dục HS đức tính trung thực, dũng cảm trong học tập và cuộc sống

**4. Góp phần phát triển năng lực**

- Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.
- \* **GDKNS:** *Xác định giá trị ; Nhận thức về bản thân; Tư duy phê phán .*

**II. CHUẨN BỊ:****1. Đồ dùng**

- GV: Tranh minh họa SGK, bảng phụ ghi đoạn cần luyện đọc.
- HS: SGK, vở,..

**2. Phương pháp, kỹ thuật**

- Phương pháp: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm, đóng vai
- Kỹ thuật: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<b>1. Khởi động: (3p)</b> - Yêu cầu HS đọc bài thơ Tre Việt Nam  - GV dẫn vào bài	- 2 HS đọc - HS nêu những hình ảnh mình thích trong bài. - HS lắng nghe
<b>2. Luyện đọc: (8-10p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> HS biết nhận diện đoạn văn, đọc đúng, đọc rành mạch, trôi chảy và giải nghĩa được một số từ ngữ. * <b>Cách tiến hành:</b>	
- Gọi 1 HS đọc bài (M3) - GV lưu ý giọng đọc cho HS: giọng kể chậm rãi, chú ý phân biệt lời của nhà vua và lời của chú bé Chôm - GV chốt vị trí các đoạn:	- 1 HS đọc bài, cả lớp đọc thầm - Lớp trưởng điều hành cách chia đoạn  - Bài chia làm 4 đoạn:

- Lưu ý sửa lỗi đọc và ngắt nghỉ cho các HS (M1)

- +Đoạn 1:Ngày xưa.....bị trừng phạt.
- +Đoạn 1:Có chú bé.....nảy mầm được.
- +Đoạn 1:Moi người.....của ta.
- +Đoạn 4: Rồi vua đồng dục.....hiền minh
- Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp đoạn trong nhóm lần 1 và phát hiện các từ ngữ khó (*gieo trồng, nảy mầm, lược kỹ, đồng dục, lo lắng, sững sờ*)
- Luyện đọc từ khó: Đọc mẫu (M4)-> Cá nhân (M1)-> Lớp
- Giải nghĩa từ khó (đọc phần chú giải)
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 theo điều khiển của nhóm trưởng
- Các nhóm báo cáo kết quả đọc
- 1 HS đọc cả bài (M4)

### 3.Tìm hiểu bài: (8-10p)

\* **Mục tiêu:** HS hiểu được nội dung bài học, nêu được nội dung đoạn, bài.

\* **Cách tiến hành:** *Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp*

- GV hỗ trợ TBHT lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp:

+ *Nhà vua chọn người như thế nào để truyền ngôi*

+ *Nhà vua làm cách nào để tìm được người trung thực?*

+ *Nội dung của đoạn 1 là gì?*

+ *Đến kỳ nộp thóc cho vua, chuyện gì đã xảy ra?*

+ *Hành động của chú bé Chôm có gì khác mọi người?*

+ *Cậu bé Chôm được hưởng những gì do tính thật thà, dũng cảm của mình?*

+ *Theo em vì sao người trung thực lại đáng quý?*

+ *Đoạn 2,3,4 nói lên điều gì?*

- 1 HS 4 câu hỏi cuối bài:
- Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời câu hỏi (5p)

+*Nhà vua muốn chọn người trung thực để truyền ngôi*

+*Vua phát cho mỗi người một thúng thóc đã lược kỹ về gieo trồng và hẹn: Ai thu được nhiều thóc nhất thì được truyền ngôi.*

**1. Nhà vua chọn người trung thực để nối ngôi**

+ *Mọi người nô nức chở thóc về kinh thành nộp cho vua. Chôm không có thóc, em lo lắng đến trước vua nhận tội.*

+*Chôm dũng cảm dám nói sự thật, không sợ bị trừng phạt.*

+ *Cậu được vua nhường ngôi báu và trở thành ông vua hiền minh.*

+*Vì người trung thực bao giờ cũng nói thật, không vì lợi ích của riêng mình mà nói dối làm hại việc chung.*

**2. Cậu bé Chôm là người trung thực**

<p>+ Câu chuyện có ý nghĩa như thế nào?</p> <p><b>GDKNS:</b> Chúng ta phải có đức tính trung thực và dũng cảm trong học tập và trong cuộc sống. Đó là đức tính tốt, giúp chúng ta tiến bộ</p>	<p><b>dám nói lên sự thật.</b>  * <i>Câu chuyện ca ngợi cậu bé Chôm trung thực, dũng cảm nói lên sự thật và cậu được hưởng hạnh phúc.</i>  - HS ghi vào vở – nhắc lại ý nghĩa</p>
<p><b>3. Luyện đọc diễn cảm: (8-10p)</b></p>	
<p>* <b>Mục tiêu:</b> HS biết đọc diễn cảm và đọc phân vai bài TĐ.</p>	
<p>* <b>Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp</b></p>	
<p>+ Yêu cầu HS nêu giọng đọc toàn bài.</p> <p>- GV nhận xét chung</p> <p><b>5. Hoạt động ứng dụng (1 phút)</b>  - Qua bài đọc giúp các em hiểu điều gì?</p> <p><b>6. Hoạt động sáng tạo (1 phút)</b></p>	<p>- Giọng thông thả, rõ ràng. Lời của vua đồng dục, dứt khoát; lời của cậu bé lo lắng,...</p> <p>- 1 HS M4 đọc mẫu toàn bài</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai từ "Chôm lo lắng....đến hết"</p> <p>+ Phân vai trong nhóm</p> <p>+ Luyện đọc phân vai trong nhóm.</p> <p>- Thi đọc phân vai trước lớp</p> <p>- Lớp nhận xét, bình chọn.</p> <p>- HS nêu suy nghĩ của mình</p> <p>- Nêu 1 tấm gương về tính trung thực và sự dũng cảm mà em biết.</p>

## ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

## TOÁN

### Tiết 21: LUYỆN TẬP

#### I. MỤC TIÊU:

##### **1. Kiến thức**

- Biết số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận
- Cùng cố MQH giữa các đơn vị đo thời gian

##### **2. Kỹ năng**

- Chuyển đổi được đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây .
- Xác định được một năm cho trước thuộc thế kỉ nào .

### 3. Thái độ

- HS có thái độ học tập tích cực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

### 4. Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

\*Bài tập cần làm: BT 1; 2; 3

## II. CHUẨN BỊ:

### 1. Đồ dùng

- GV: Nội dung bảng bài tập 1, kẻ sẵn trên bảng phụ, nếu có thể.
- HS: Vở BT, SGK,

### 2. Phương pháp, kĩ thuật

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

## III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><b>1. Khởi động: (5p)</b></p> <p>- GV giới thiệu vào bài</p>	<p>- TBVN điều hành lớp khởi động bằng bài hát vui nhộn tại chỗ</p>
<p><b>2. Hoạt động thực hành: (30p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:</b>- Biết số ngày của từng tháng trong năm, của năm nhuận và năm không nhuận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyển đổi được đơn vị đo ngày, giờ, phút, giây .</li> <li>- Xác định được một năm cho trước thuộc thế kỉ nào</li> </ul> <p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm- Lớp</b></p>	
<p><b>Bài 1: Nhóm 2-Lớp</b></p> <p>- TBHT điều hành hoạt động báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Những tháng nào có 30 ngày ?</li> <li>+ Những tháng nào có 31 ngày ?</li> <li>+ Những tháng có bao 28 / 29 ngày ?</li> <li>+ Năm nhuận có bao nhiêu ngày?</li> <li>+ Năm không nhuận có bao nhiêu ngày?</li> </ul> <p>- GV nhắc lại quy tắc nắm tay để HS xác định số ngày trong tháng.</p> <p><b>-GV: Những năm mà tháng 2 có 28 ngày gọi là năm thường. Một năm thường có 365 ngày. Những năm, tháng 2 có 29 ngày gọi là năm nhuận. Một năm nhuận có 366 ngày. Cứ 4 năm thì có một năm nhuận. Ví dụ năm 2000 là năm nhuận thì đến năm 2004 là năm nhuận, năm 2008 là năm</b></p>	<p>- HS làm việc nhóm 2 và chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tháng 4; 6; 9; 11.</li> <li>+ Tháng 1; 3; 5; 7; 8; 10; 12.</li> <li>+ Tháng 2 có 28 ngày hoặc 29 ngày.</li> <li>+ 366 ngày</li> <li>+ 365 ngày</li> </ul> <p>- HS nghe</p>

**nhuận ...**

**Bài 2:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm

- GV tổ chức trò chơi: Truyền điện

- GV hỏi để chốt kiến thức:

+ Đổi  $\frac{1}{3}$  ngày = ....giờ như thế nào?

**Bài 3: Cá nhân-Lớp**

- GV nhận xét, đánh giá 5-7 bài

- Chốt lại cách làm các bài toán tương tự.

**Bài 4 + Bài 5 (Bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)**

-

- GV chốt lại cách tìm một phần mấy của 1 số, cách xem đồng hồ, cách đổi số đo khối lượng từ 2 đơn vị về 1 đơn vị

- HS tham gia chơi. HS đọc yêu cầu và chỉ định bạn bất kì trả lời. Trò chơi kết thúc khi hết bài tập.

Đáp án:

$$3 \text{ ngày} = 72 \text{ giờ} \quad \frac{1}{2} \text{ phút} = 30 \text{ giây}$$

$$4 \text{ giờ} = 240 \text{ phút} ; 3 \text{ giờ } 10 \text{ phút} = 190 \text{ phút}$$
$$8 \text{ phút} = 480 \text{ giây} ; 2 \text{ phút } 5 \text{ giây} = 125 \text{ giây}$$

$$\frac{1}{3} \text{ ngày} = 8 \text{ giờ} \quad ; 4 \text{ phút } 20 \text{ giây} = 260 \text{ giây}$$

$$\frac{1}{4} \text{ giờ} = 15 \text{ phút}$$

$$+ 1 \text{ ngày} = 24 \text{ giờ nên } \frac{1}{3} \text{ ngày} = 24 \times \frac{1}{3}$$
$$= 8 \text{ giờ}$$

- HS làm cá nhân vào vở- Chia sẻ trước lớp

Đáp án:

a) Vua Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789. Năm đó thuộc thế kỉ thứ XVIII.

-Thực hiện phép trừ, lấy số năm hiện nay trừ đi năm vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Ví dụ: 2006 – 1789 = 217 (năm)

b) Nguyễn Trãi sinh năm:

$$1980 - 600 = 1380.$$

Năm đó thuộc thế kỉ XIV.

- HS làm bài vào vở Tự học:

**Bài 4:** Đổi  $\frac{1}{4}$  phút = 15 phút

$$\frac{1}{5} \text{ phút} = 12 \text{ phút}$$

15 phút > 12 phút. Vậy Bình chạy nhanh hơn. Và nhanh hơn số giây là:

$$15 - 13 = 2 \text{ (phút)}$$

Đáp số: 2 phút

**Bài 5:** a) Khoanh vào B

B) Khoanh vào C

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

- Ghi nhớ KT của bài

5. Hoạt động sáng tạo (1p)

- Tìm lời giải khác cho BT4

### ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

### KHOA HỌC (VNEN)

## BẠN ĂN NHƯ THẾ NÀO ĐỂ ĐỦ CHẤT DINH DƯỠNG CHO CƠ THỂ? (TIẾT 2)

### ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG

.....

.....

.....

.....

### KHOA HỌC ( CT HIỆN HÀNH)

## SỬ DỤNG HỢP LÝ CÁC CHẤT BÉO VÀ MUỐI ĂN

### I. MỤC TIÊU:

#### 1. Kiến thức

- Hiểu được cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật để có đầy đủ chất dinh dưỡng
- Nêu ích lợi của muối i-ốt (giúp cơ thể phát triển về thể lực và trí tuệ), tác hại của thói quen ăn mặn (dễ gây huyết áp cao).

#### 2. Kỹ năng

- Kỹ năng xác định chất béo có nguồn gốc thực vật và động vật
- Kỹ năng lựa chọn chất sử dụng hợp lý chất béo và muối ăn

#### 3. Thái độ

- Có ý thức ăn uống hợp lý, đảm bảo sức khỏe.

#### 4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác.

### II. CHUẨN BỊ:

#### 1. Đồ dùng

- GV:- Các hình minh họa ở trang 20, 21 / SGK (phóng to nếu có điều kiện).

- Bảng nhóm.

- HS: chuẩn bị bút vẽ, bút màu.

#### 2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: quan sát, hỏi đáp, thảo luận, trò chơi học tập

- KT: Động não, chia sẻ nhóm đôi, tia chớp

## II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của của học sinh
<p><b>1, Khởi động (4p)</b></p> <p>- Thi kể tên các thức ăn chứa đạm động vật và đạm thực vật</p> <p>+ <i>Tại sao ta nên ăn nhiều cá?</i></p> <p>-GV nhận xét, khen/ động viên, dẫn vào bài mới.</p>	<p>- HS thi theo tổ dưới sự điều hành của TBHT</p> <p>+ <i>Vì trong cá có chất đạm dễ tiêu.</i></p>
<p><b>3. Bài mới: (30p)</b></p> <p>* <b>Mục tiêu:-</b> Hiểu được cần ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật để có đầy đủ chất dinh dưỡng</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nêu ích lợi của muối i-ốt, tác hại của thói quen ăn mặn</li><li>- Xác định được các thức ăn có nhiều chất béo và phân loại được.</li></ul> <p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm –Lớp</b></p>	
<p><b>HD1: Trò chơi kể tên các thức ăn có nhiều chất béo:</b></p> <p>* Bước 1: Tổ chức:</p> <p>-Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội cử 1 trọng tài giám sát đội bạn.</p> <p>* Bước 2: Cách chơi và luật chơi:</p> <p>-Thành viên trong mỗi đội nối tiếp nhau lên bảng ghi tên các món ăn (các món ăn rán bằng dầu hoặc mỡ). Lưu ý mỗi HS chỉ viết tên 1 món ăn.</p> <p>* Bước 3: Thực hiện:</p> <p>- Hai đội chơi như đã hướng dẫn.</p> <p>-GV cùng các trọng tài theo dõi và tổng kết đếm số món các mà 2 đội kể được, công bố kết quả.</p> <p>+ <i>Gia đình em thường chiên xào bằng dầu thực vật hay mỡ động vật?</i></p> <p><b>HD2: Ăn phối hợp chất béo có nguồn gốc động vật và chất béo có nguồn gốc thực vật:</b></p> <p>-Yêu cầu HS quan sát hình minh họa ở trang 20 / SGK và đọc kỹ các món ăn trên bảng mà các em vừa tìm qua trò chơi để trả lời.</p> <p>+ <i>Những món ăn nào vừa chứa chất béo động vật, vừa chứa chất béo thực vật?</i></p> <p>+ <i>Tại sao cần ăn phối hợp chất béo động vật, với chứa chất béo thực vật?</i></p>	<p><b>1. Những thức ăn có nhiều chất béo:</b></p> <p>-Thực hiện theo hướng dẫn của GV.</p> <p><b>Đáp án:</b> Tất cả các món rán, các món luộc hay nấu bằng thịt mỡ, các món muối vừng, hoặc lạc</p> <p>-5 đến 6 HS trả lời.</p> <p><b>2. Tại sao cần ăn phối hợp 2 loại chất béo?</b></p> <p>- Thảo luận nhóm 2 và chia sẻ trước lớp</p> <p>+ <i>Thịt lợn rán, thịt gà rán,...</i></p> <p>+ <i>Vì trong chất béo động vật có chứa a-xít béo no, khó tiêu, trong chất béo thực</i></p>

*\* GV: Trong chất béo động vật như mỡ, bơ có chứa nhiều a-xít béo no. Trong chất béo thực vật như dầu vừng, dầu lạc, đậu tương có nhiều a-xít béo không no. Vì vậy sử dụng cả mỡ và dầu ăn để khẩu phần ăn có đủ loại a-xít. Ngoài thịt mỡ, trong óc và phủ tạng động vật có chứa nhiều chất làm tăng huyết áp và các bệnh về tim mạch nên cần hạn chế ăn những thức ăn này.*

**HD3: Tại sao nên sử dụng muối i-ốt và không nên ăn mặn?**

- Bước 1: GV yêu cầu HS giới thiệu những tranh ảnh về ích lợi của việc dùng muối i-ốt đã yêu cầu sưu tầm từ tiết trước.

-GV yêu cầu các em quan sát hình minh hoạ và thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi:  
+ *Muối i-ốt có lợi ích gì cho con người?*

- Nhận xét, chốt kiến thức.  
+ *Muối i-ốt rất quan trọng nhưng nếu ăn mặn thì có tác hại gì?*

*\*GV: Chúng ta cần hạn chế ăn mặn để tránh bị bệnh áp huyết cao.*

**3. Hoạt động ứng dụng (1p)**

- Tại sao cần ăn phối hợp chất béo động vật, với chứa chất béo thực vật?

**4. HD sáng tạo (1p)**

vật có chứa nhiều a-xít béo không no, ...  
-2 HS đọc to mục Bạn cần biết?

**3. Lợi ích của muối i-ốt, tác hại của thói quen ăn mặn:**

-HS trình bày những tranh ảnh đã sưu tầm.

-HS thảo luận cặp đôi- Chia sẻ trước lớp

+ *Muối i-ốt dùng để nấu ăn hằng ngày.*  
+ *Ăn muối i-ốt để tránh bệnh bướu cổ.*  
+ *Ăn muối i-ốt để phát triển cả về thị lực và trí lực.....*

+ *Ăn mặn rất khát nước.*  
+ *Ăn mặn sẽ bị áp huyết cao.....*

- HS ăn uống hợp lý, không nên ăn mặn và cần ăn muối i-ốt.

- Tìm hiểu về quy trình chế biến dầu thực vật

**ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.....  
.....  
.....

\_\_\_\_\_



Thứ ba ngày 2 tháng 10 năm 2018

**CHÍNH TẢ**  
**NHỮNG HẠT THÓC GIỐNG**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nghe - viết đúng đúng và trình bày đúng bài chính tả sạch sẽ, biết trình bày đoạn văn có lời nhân vật; không mắc quá năm lỗi trong bài.
- Hiểu nội dung đoạn cần viết
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n và giải được câu đố về con vật chứa tiếng bắt đầu bằng l/n

**2. Kỹ năng:**

- Rèn kỹ năng viết đẹp và đúng, viết đúng chính tả.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác, yêu thích chữ viết
- Tính trung thực trong học tập qua bài tập chính tả 2a

**4. Góp phần phát triển năng lực:**

- NL tự chủ và tự học, NL sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. Đồ dùng**

- GV: Giấy khổ to+ bút dạ. Bài tập 2a viết sẵn. Bảng nhóm cho hs làm bài tập.
- HS: Vở, bút,...

**2. Phương pháp, kỹ thuật**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

<b>Hoạt động của giáo viên</b>	<b>Hoạt động của học sinh</b>
<b>1. Khởi động: (2p)</b> * <b>Cách tiến hành:</b> Cả lớp cùng đứng dậy vừa hát kết hợp với vận động bài hát Một sợi rơm vàng - GV dẫn vào bài.	- HS cùng hát kết hợp với vận động.
<b>2. Chuẩn bị viết chính tả: (6p)</b> * <b>Mục tiêu:</b> HS hiểu được nội dung bài CT, viết được các từ khó, dễ lẫn và các hiện tượng chính tả, biết cách trình bày đoạn văn. * <b>Cách tiến hành: Cá nhân- Nhóm – Lớp</b>	
a. Trao đổi về nội dung đoạn cần viết - Gọi HS đọc đoạn cần viết - Yêu cầu thảo luận nhóm 2: + <i>Nhà vua chọn người ntn để nói ngôi?</i>  + <i>Vì sao người trung thực là người đáng quý?</i>	- 1 học sinh đọc. - HS thảo luận (2p) và báo cáo trước lớp + <i>Nhà vua chọn người trung thực để nói ngôi.</i> + <i>Vì người trung thực dám nói lên sự thực...</i>

<p>+ Từ nào mà các em thường hay viết sai? + Khi trình bày đoạn văn cần lưu ý gì</p>	<p>+ đây ắp, trung thực, truyền ngôi, ôn tồn. + Đầu đoạn viết hoa, lùi 1 ô. - Hs viết bảng con từ khó. - HS đọc từ viết khó - 1 hs đọc lại bài viết. Cả lớp đọc 1 lần</p>
<p><b>3. Viết bài chính tả: (20p)</b></p>	
<p>* <b>Mục tiêu:</b> Hs viết tốt đoạn chính tả do GV đọc. Trình bày sạch, đẹp, đúng hình thức đoạn văn</p>	
<p>* <b>Cách tiến hành:</b></p>	
<p>- GV đọc bài - GV giúp đỡ các HS M1, M2 - Lưu ý tư thế ngồi, cách để vở.</p>	<p>- HS viết bài vào vở</p>
<p><b>4. Đánh giá và nhận xét bài: (5p)</b></p>	
<p>* <b>Mục tiêu:</b> Giúp HS tự đánh giá được bài viết của mình và của bạn. Nhận ra các lỗi sai và sửa sai</p>	
<p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân- Cặp đôi</b></p>	
<p>- Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo.  - GV nhận xét, đánh giá 5 - 7 bài - Nhận xét nhanh về bài viết của HS</p>	<p>- Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau  - Lắng nghe.</p>
<p><b>5. Làm bài tập chính tả: (5p)</b></p>	
<p>* <b>Mục tiêu:</b> Giúp HS phân biệt được "l/n</p>	
<p>* <b>Cách tiến hành: Cá nhân-Cặp đôi- Chia sẻ trước lớp</b></p>	
<p><b>Bài 2a:</b> Điền vào chỗ trống r / d / gi .  - Gọi hs đọc câu văn đã điền hoàn chỉnh.  - Chữa bài, nhận xét. <b>Bài 3a</b>  <b>6. Hoạt động ứng dụng (1p)</b> <b>7. Hoạt động sáng tạo (1p)</b></p>	<p>- Làm bài cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Lớp Đáp án : <b>lời</b> giải – <b>nộp</b> bài –lần <b>này</b> , có thể <b>làm</b>, lâu <b>nay</b>, <b>lòng</b> thanh thản, <b>làm</b> bài - 1 hs đọc to đoạn văn đã điền hoàn chỉnh. - Nhận xét về tính trung thực của nhân vật Hưng trong đoạn văn - HS giải đố cá nhân- Chia sẻ trước lớp Đáp án: nòng nọc. - Viết 5 tiếng, từ chứa l/n - Tìm các câu đố nói về loài hoa hoặc một số đồ vật khác có chứa âm l/n</p>

**ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG**

.....  
.....